

b) Không thực hiện các biện pháp kịp thời để tìm kiếm, cứu hộ, bảo đảm an toàn cho người và tài sản, hạn chế và ngăn ngừa các nguy hiểm có thể tiếp tục xảy ra khi xảy ra sự cố công trình xây dựng, sự cố về máy, thiết bị

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khai báo bằng văn bản (đối với hành vi không khai báo) với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Buộc lập hồ sơ sự cố công trình xây dựng, sự cố về máy, thiết bị với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này trong quá trình giải quyết sự cố công trình;

c) Buộc tổ chức bảo vệ hiện trường sự cố công trình xây dựng, sự cố về máy, thiết bị với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này trong quá trình giải quyết sự cố công trình;

d) Buộc thực hiện các biện pháp để xử lý sự cố theo quy định với hành vi quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

Điều 26. Vi phạm của chủ đầu tư về trật tự xây dựng

1. Xử phạt đối với hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình không che chắn hoặc có che chắn nhưng để rơi vãi vật liệu xây dựng xuống các khu vực xung quanh hoặc để vật liệu xây dựng không đúng nơi quy định như sau:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ hoặc công trình xây dựng khác;

b) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với xây dựng công trình phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với xây dựng công trình phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

2. Xử phạt đối với hành vi không công khai giấy phép xây dựng tại địa điểm thi công xây dựng trong suốt quá trình thi công như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa hoặc công trình xây dựng khác;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với xây dựng công trình phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;

d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với xây dựng công trình phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

3. Xử phạt cảnh cáo đối với hành vi xây dựng nhà ở riêng lẻ mà giảm diện tích xây dựng, giảm chiều cao công trình hoặc giảm số tầng so với giấy phép xây dựng được cấp hoặc thiết kế xây dựng được phê duyệt trong trường hợp được miễn giấy phép xây dựng.

4. Xử phạt đối với hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình sai nội dung giấy phép xây dựng được cấp đối với trường hợp cấp phép sửa chữa, cải tạo, di dời công trình hoặc xây dựng có thời hạn như sau:

a) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa;

c) Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng đối với xây dựng công trình phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;

d) Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 110.000.000 đồng đối với xây dựng công trình phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

5. Xử phạt đối với hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình không đảm bảo an toàn cho công trình xây dựng liền kề gây lún, nứt hoặc hư hỏng công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình lân cận hoặc gây sụp đổ hoặc có nguy cơ gây sụp đổ công trình lân cận nhưng không gây thiệt hại về sức khỏe, tính mạng của người khác như sau:

a) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa hoặc công trình xây dựng khác;

c) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với xây dựng công trình phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;

d) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với xây dựng công trình phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

6. Xử phạt đối với hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình sai nội dung giấy phép xây dựng được cấp đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng mới như sau:

a) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ;

b) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa hoặc công trình xây dựng khác;

c) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với xây dựng công trình phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;

d) Phạt tiền từ 120.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng đối với xây dựng công trình phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

7. Xử phạt đối với hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng như sau:

a) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa hoặc công trình xây dựng khác;

c) Phạt tiền từ 120.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng đối với xây dựng công trình phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;

d) Phạt tiền từ 140.000.000 đồng đến 160.000.000 đồng đối với xây dựng công trình phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

8. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng công trình không đúng thiết kế xây dựng được thẩm định trong trường hợp được miễn giấy phép xây dựng.

9. Xử phạt đối với hành vi xây dựng không đúng quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị được duyệt (trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này) như sau:

a) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa hoặc công trình xây dựng khác;

c) Phạt tiền từ 160.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng đối với xây dựng công trình phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;

d) Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với xây dựng công trình phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

10. Xử phạt đối với hành vi xây dựng coi nới, lấn chiếm diện tích, lấn chiếm không gian đang được quản lý, sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác hoặc của khu vực công cộng, khu vực sử dụng chung như sau:

a) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ, *trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;*

b) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa *hoặc công trình xây dựng khác;*

c) *Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với xây dựng công trình phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;*

d) *Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 220.000.000 đồng đối với xây dựng công trình phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.*

11. Xử phạt hành vi tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm sau khi đã bị lập biên bản vi phạm hành chính (trước khi ban hành quyết định xử phạt) *mà người có thẩm quyền đã yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm đối với các hành vi vi phạm hành chính được quy định tại khoản 4, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Điều này thì mức phạt cụ thể như sau:*

a) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ, *trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;*

b) Phạt tiền từ 120.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa *hoặc công trình xây dựng khác;*

c) *Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với xây dựng công trình phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;*

d) *Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng đối với xây dựng công trình phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.*

12. Xử phạt đối với hành vi đã bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 4, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Điều này *mà tái phạm nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự như sau:*

a) Phạt tiền từ 120.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ, *trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;*

b) Phạt tiền từ 140.000.000 đồng đến 160.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa *hoặc công trình xây dựng khác;*

c) *Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng đối với xây dựng*

công trình phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;

d) Phạt tiền từ 800.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với xây dựng công trình phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

13. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép xây dựng từ 03 tháng đến 06 tháng (nếu có) đối với hành vi quy định tại *điểm a khoản 11 và điểm a khoản 12 Điều này;*

b) Tước quyền sử dụng giấy phép xây dựng từ 06 tháng đến 09 tháng (nếu có) đối với hành vi quy định tại *điểm b khoản 11 và điểm b khoản 12 Điều này;*

c) Tước quyền sử dụng giấy phép xây dựng từ 09 tháng đến 12 tháng (nếu có) đối với hành vi quy định tại *điểm c, điểm d khoản 11, điểm c, điểm d khoản 12 Điều này;*

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại khoản 11, khoản 12 Điều này.

14. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc che chắn theo quy định và khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường (nếu có) với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc công khai giấy phép xây dựng theo quy định với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này đối với công trình đang thi công;

c) Buộc thực hiện điều chỉnh giấy phép xây dựng, điều chỉnh thiết kế xây dựng đối với công trình đang thi công và phải có giấy phép xây dựng, thiết kế xây dựng được phê duyệt theo quy định với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này;

d) Đối với hành vi quy định tại khoản 5 Điều này bị áp dụng biện pháp quy định tại Điều 94 Nghị định này;

đ) Buộc phá dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm với các hành vi quy định tại khoản 4, khoản 6, khoản 7, khoản 8 (mà hành vi vi phạm đã kết thúc), khoản 9, khoản 10, khoản 11, khoản 12 Điều này;

e) Đối với hành vi quy định tại khoản 4, khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều này mà đang thi công xây dựng thì bị áp dụng biện pháp quy định tại Điều 92 Nghị định này.

Điều 27. Vi phạm của nhà thầu thi công về trật tự xây dựng

1. Xử phạt đối với hành vi thi công xây dựng không che chắn hoặc có che chắn nhưng để rơi vãi vật liệu xây dựng xuống các khu vực xung quanh hoặc để vật liệu xây dựng không đúng nơi quy định như sau:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ hoặc công trình xây dựng khác;

b) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với xây dựng công trình phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với xây dựng công trình phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

2. Xử phạt đối với hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình vi phạm quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng gây lún, nứt hoặc hư hỏng công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình lân cận hoặc gây sụp đổ hoặc có nguy cơ gây sụp đổ công trình lân cận nhưng không gây thiệt hại về sức khỏe, tính mạng của người khác như sau:

a) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa hoặc công trình xây dựng khác;

c) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với xây dựng công trình phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;

d) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với xây dựng công trình phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

3. Xử phạt đối với hành vi tiếp tục thực hiện thi công xây dựng công trình mà chủ đầu tư công trình đó đã bị lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi quy định tại khoản 4, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Điều 26 Nghị định này như sau:

a) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa hoặc công trình xây dựng khác;

c) Phạt tiền từ 160.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng đối với xây dựng công trình phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;

d) Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với xây dựng công trình phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc che chắn theo quy định và khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường (nếu có) với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Mục 6

VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ QUY CHUẨN, TIÊU CHUẨN, GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG

Điều 28. Vi phạm của chủ đầu tư về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn áp dụng trong hoạt động đầu tư xây dựng

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không áp dụng BIM trong hoạt động xây dựng mà theo quy định của pháp luật phải áp dụng.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng kết quả thí nghiệm của tổ chức thí nghiệm chuyên ngành xây dựng không đủ điều kiện năng lực theo quy định.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi *không áp dụng hoặc áp dụng sai quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; không áp dụng hoặc áp dụng sai tiêu chuẩn* hoặc áp dụng tiêu chuẩn đã hết hiệu lực.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hủy kết quả thí nghiệm với hành vi quy định tại *khoản 2 Điều này* đối với công trình chưa khởi công hoặc đang thi công xây dựng;

b) Buộc sử dụng đúng quy chuẩn kỹ thuật *quốc gia hoặc tiêu chuẩn áp dụng* với hành vi quy định tại *khoản 3 Điều này* đối với công trình chưa khởi công hoặc đang thi công xây dựng.

Điều 29. Vi phạm của nhà thầu về giám sát thi công xây dựng công trình

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) *Kết quả nghiệm thu không được xác nhận bằng biên bản;*

b) *Biên bản nghiệm thu công việc xây dựng không đầy đủ các nội dung chủ yếu theo quy định;*

c) Không lập báo cáo về công tác giám sát thi công xây dựng công trình theo quy định;

d) Không đủ nhân sự thực hiện giám sát tại công trường phù hợp với quy mô, yêu cầu của công việc thực hiện giám sát theo quy định;

đ) Thực hiện giám sát thi công trong trường hợp nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình không độc lập với các nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu chế tạo, sản xuất, cung ứng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình đối với các công trình đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Làm sai lệch kết quả giám sát;

b) Để nhà thầu thi công thi công sai giấy phép xây dựng được cấp; sai thiết kế xây dựng được phê duyệt; sai tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật; sai quy định về sử dụng vật liệu xây dựng; sai chỉ dẫn kỹ thuật theo quy định;

c) Không đảm bảo nội dung thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình theo quy định;

d) Nghiệm thu khi khối lượng công việc chưa thực hiện hoặc khối lượng nghiệm thu lớn hơn khối lượng thực tế đã thực hiện đối với công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc xác nhận kết quả nghiệm thu bằng biên bản với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Buộc lập biên bản nghiệm thu công việc xây dựng đầy đủ các nội dung chủ yếu theo quy định với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Buộc lập báo cáo về công tác giám sát thi công xây dựng theo quy định với hành vi quy định tại điểm c khoản 1 Điều này với công trình đang thi công xây dựng;

d) Buộc bố trí nhân sự thực hiện giám sát tại công trường theo quy định với hành vi quy định tại điểm d khoản 1 Điều này đối với công trình đang thi công;

đ) Buộc thay thế nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình theo quy định với hành vi quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này với gói thầu đang thi công xây dựng;

e) Buộc hủy và lập lại kết quả giám sát đúng thực tế thi công với hành vi quy định tại điểm e khoản 2 Điều này với công trình đang thi công xây dựng;

g) Buộc thực hiện nội dung giám sát thi công theo quy định với hành vi quy định tại *điểm c khoản 2 Điều này* với công trình đang thi công xây dựng;

h) Buộc tổ chức nghiệm thu lại theo thực tế thi công và buộc thu hồi số tiền đã nghiệm thu, thanh toán sai với hành vi quy định tại *điểm d khoản 2 Điều này* đối với công trình đang thi công xây dựng.

Điều 30. Vi phạm của nhà thầu về quản lý dự án đầu tư xây dựng

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng có hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định đối với việc nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện việc nghiệm thu theo đúng quy định với hành vi quy định tại *khoản 1 Điều này*.

Mục 7

VI PHẠM VỀ HỢP ĐỒNG, NGHIỆM THU, THANH QUYẾT TOÁN

Điều 31. Vi phạm của chủ đầu tư về hợp đồng xây dựng, quyết toán vốn đầu tư xây dựng áp dụng đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư, lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư xây dựng

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Không sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt trong hợp đồng xây dựng;
- b) Điều chỉnh hợp đồng không đúng quy định về trình tự thủ tục.

2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Ký kết hợp đồng với giá vượt giá trúng thầu hoặc kết quả đàm phán, thương thảo hợp đồng xây dựng, trừ khối lượng phát sinh ngoài phạm vi công việc của gói thầu được người quyết định đầu tư cho phép;

b) Điều chỉnh hợp đồng không đúng thẩm quyền; không đủ điều kiện được điều chỉnh hợp đồng xây dựng;

c) Tạm ứng hợp đồng vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định hoặc tạm ứng hợp đồng khi chưa có bảo lãnh tạm ứng theo quy định;

d) Thanh toán hợp đồng xây dựng không đúng số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, hồ sơ thanh toán hoặc thời hạn thanh

toán và điều kiện thanh toán quy định trong hợp đồng trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác;

đ) Quyết toán hoặc thanh lý hợp đồng xây dựng quá thời hạn quy định.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi chậm lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư xây dựng để trình người quyết định đầu tư phê duyệt kể từ ngày công trình được ký biên bản nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa công trình vào khai thác, sử dụng.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt trong hợp đồng xây dựng theo quy định với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này đối với hợp đồng đang thực hiện;

b) Buộc ký hợp đồng đúng giá trúng thầu hoặc kết quả đàm phán với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này đối với hợp đồng đang thực hiện;

c) Buộc điều chỉnh hợp đồng theo đúng quy định với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này đối với hợp đồng đang thực hiện;

d) Buộc hoàn trả giá trị tạm ứng hợp đồng vượt tỷ lệ phần trăm hoặc thu hồi toàn bộ giá trị tạm ứng hợp đồng khi chưa có bảo lãnh tạm ứng với hành vi quy định tại điểm c khoản 2 Điều này đối với hợp đồng đang thực hiện;

đ) Buộc thực hiện thanh toán hợp đồng xây dựng theo quy định với hành vi quy định tại điểm d khoản 2 Điều này;

e) Buộc chủ đầu tư phải hoàn thành việc quyết toán hoặc thanh lý hợp đồng với hành vi quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này đối với trường hợp chưa quyết toán hoặc chưa thanh lý hợp đồng;

g) Buộc chủ đầu tư phải hoàn thành việc lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư xây dựng, trình người quyết định đầu tư phê duyệt với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 32. Vi phạm của nhà thầu về hợp đồng xây dựng

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng có một trong các hành vi sau đây:

a) Ký kết hợp đồng thầu phụ không đúng quy định;

b) Hợp đồng xây dựng không sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt theo quy định;

c) Ký kết, thực hiện hợp đồng xây dựng không đúng nguyên tắc theo quy định;

d) Ký hợp đồng xây dựng không đầy đủ nội dung theo quy định; hợp đồng tổng thầu xây dựng không nêu trách nhiệm quản lý của tổng thầu;

đ) Hồ sơ hợp đồng không đầy đủ theo quy định;

e) Điều chỉnh hợp đồng không đúng quy định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc ký hợp đồng thầu phụ đúng quy định với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này đối với hợp đồng đang thực hiện;

b) Buộc sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt trong hợp đồng xây dựng theo quy định với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này đối với hợp đồng đang thực hiện;

c) Buộc ký lại hợp đồng, thực hiện hợp đồng theo quy định với hành vi quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều này đối với hợp đồng đang thực hiện;

d) Buộc lập hồ sơ hợp đồng đầy đủ theo quy định với hành vi quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này;

đ) Buộc điều chỉnh hợp đồng theo quy định với hành vi quy định tại điểm e khoản 1 Điều này đối với hợp đồng đang thực hiện.

Điều 33. Vi phạm của chủ đầu tư về nghiệm thu xây dựng

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Biên bản nghiệm thu *hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng* không đầy đủ các nội dung theo quy định;

b) Thành phần ký biên bản nghiệm thu *hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng* không đầy đủ theo quy định;

c) Không gửi *hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu* tới cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định.

2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Nghiệm thu khi khối lượng công việc chưa thực hiện hoặc khối lượng nghiệm thu lớn hơn khối lượng thực tế đã thực hiện đối với công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, *dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư*;

b) Nghiệm thu *hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng* khi các công việc xây dựng chưa được thi công đầy đủ theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt;

c) Nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng khi công tác nghiệm thu công việc xây dựng, bộ phận, giai đoạn trong quá trình thi công chưa được thực hiện đầy đủ theo quy định;

d) Nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng khi không có kết quả thí nghiệm, kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm, chạy thử hoặc kết quả thí nghiệm, kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm, chạy thử chưa đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo quy định của thiết kế xây dựng;

đ) Nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng khi hạng mục công trình, công trình xây dựng không tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình chuyên ngành và quy định pháp luật chuyên ngành khác có liên quan.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Đưa công trình, hạng mục công trình vào khai thác, sử dụng khi chưa đáp ứng các điều kiện theo quy định, trừ trường hợp vi phạm quy định về đưa hạng mục công trình hoặc công trình điện lực vào vận hành, sử dụng khi chưa có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

b) Bàn giao công trình xây dựng cho chủ quản lý, sử dụng công trình xây dựng khi chưa đáp ứng được điều kiện bàn giao công trình theo quy định.

4. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động xây dựng từ 06 tháng đến 12 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc lập biên bản nghiệm thu đầy đủ các nội dung theo quy định với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Buộc ký biên bản nghiệm thu đầy đủ thành phần theo quy định với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Buộc trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực, chủ đầu tư phải có văn bản đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định với hành vi quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

d) Buộc tổ chức nghiệm thu lại theo thực tế thi công và buộc thu hồi số tiền đã nghiệm thu, thanh toán sai với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

đ) Buộc hủy bỏ kết quả đã nghiệm thu và nghiệm thu lại theo quy định với hành vi quy định tại điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản 2 Điều này;

e) Buộc chủ đầu tư đáp ứng các điều kiện đưa công trình, hạng mục công trình vào khai thác, sử dụng theo quy định với hành vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

g) Buộc chủ đầu tư phải tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định trước khi bàn giao cho chủ quản lý, sử dụng công trình xây dựng với hành vi quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

Điều 34. Vi phạm của nhà thầu thi công về nghiệm thu công trình xây dựng

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Kết quả nghiệm thu không được xác nhận bằng biên bản;

b) Biên bản nghiệm thu công việc xây dựng không đầy đủ các nội dung chủ yếu theo quy định.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Xác nhận khi nghiệm thu công việc xây dựng không đúng quy định;

b) Xác nhận khi nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng không đảm bảo yêu cầu của thiết kế công trình, tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật cho công trình xây dựng theo quy định.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc xác nhận kết quả nghiệm thu bằng biên bản với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Buộc lập biên bản nghiệm thu công việc xây dựng đầy đủ các nội dung chủ yếu theo quy định với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Buộc nghiệm thu đúng quy định với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.

Mục 8

VI PHẠM KIỂM ĐỊNH, THÍ NGHIỆM, BẢO HÀNH, BẢO TRÌ, LƯU TRỮ HỒ SƠ

Điều 35. Vi phạm quy định về kiểm định, thí nghiệm trong hoạt động xây dựng

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định về kiểm định sau đây:

- a) Thực hiện kiểm định chất lượng không đúng trình tự, thủ tục quy định;
- b) Thực hiện kiểm định chất lượng công trình xây dựng do mình giám sát đối với công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, *dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư*;
- c) *Không tổ chức kiểm định xây dựng khi công trình đã được thi công xây dựng có dấu hiệu không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của thiết kế hoặc không đủ các căn cứ để đánh giá chất lượng, nghiệm thu và khi công trình đang khai thác, sử dụng có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn;*
- d) *Không tổ chức kiểm định xây dựng khi công trình hết tuổi thọ thiết kế mà chủ sở hữu công trình có nhu cầu tiếp tục sử dụng;*
- đ) *Kiểm định xây dựng không có hoặc không đủ hồ sơ năng lực hoạt động xây dựng theo quy định.*

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định về thí nghiệm chuyên ngành xây dựng sau đây:

- a) Thực hiện thí nghiệm khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng hoặc không đủ điều kiện năng lực theo quy định;
- b) Cung cấp phiếu kết quả thí nghiệm không đúng hoặc không đầy đủ nội dung quy định;
- c) *Không cung cấp kết quả thí nghiệm chuyên ngành xây dựng cho chủ đầu tư, hay cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu về số liệu, kết quả đã thực hiện thí nghiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện công tác thí nghiệm;*
- d) *Không tổ chức thực hiện các hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, quan trắc, trắc đạc công trình trong quá trình thi công xây dựng công trình theo quy định của hợp đồng xây dựng và các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn có liên quan của nhà thầu thi công xây dựng.*

3. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động xây dựng từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực với hành vi quy định tại điểm đ khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

- a) Buộc hủy kết quả kiểm định và kiểm định lại với hành vi quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này;

b) *Buộc tổ chức kiểm định xây dựng theo quy định* với hành vi quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều này;

c) *Buộc thực hiện thí nghiệm và cung cấp kết quả thí nghiệm đúng và đầy đủ nội dung theo quy định* với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

d) *Buộc cung cấp kết quả thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo quy định khi có yêu cầu của chủ đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền* với hành vi quy định tại điểm c khoản 2 Điều này;

đ) *Buộc tổ chức thực hiện các hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, quan trắc, trắc đạc* theo quy định với hành vi quy định tại điểm d khoản 2 Điều này đối với công trình đang thi công.

Điều 36. Vi phạm của chủ đầu tư về bảo hành, bảo trì, khai thác, sử dụng công trình xây dựng

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) *Xác định thời hạn bảo hành đối với hạng mục công trình, công trình xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp không đủ* theo thời gian quy định của pháp luật;

b) *Không tổ chức giám sát, nghiệm thu việc khắc phục, sửa chữa của nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu cung ứng thiết bị công trình xây dựng;*

c) *Không kiểm tra, nghiệm thu việc thực hiện bảo hành của nhà thầu thi công xây dựng công trình, nhà thầu cung ứng thiết bị công trình xây dựng;*

d) *Không tổ chức lập và bàn giao hồ sơ bảo trì công trình đối với phần công trình được đưa vào sử dụng trong trường hợp đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng từng phần theo quy định.*

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) *Không xác nhận đã hoàn thành trách nhiệm bảo hành của nhà thầu;*

b) *Không tổ chức lập hoặc không phê duyệt quy trình bảo trì công trình, hạng mục xây dựng theo quy định hoặc không thực hiện bảo trì công trình, hạng mục công trình xây dựng theo đúng quy trình được duyệt;*

c) *Không lập kế hoạch bảo trì công trình xây dựng hằng năm theo quy định;*

d) *Không lập hồ sơ bảo dưỡng công trình theo quy định;*

đ) *Không bàn giao, bàn giao chậm hoặc bàn giao không đầy đủ quy trình bảo trì công trình xây dựng được duyệt cho chủ sở hữu, đơn vị quản lý sử dụng công trình;*

e) Không lập dự toán chi phí bảo trì trong kế hoạch bảo trì được duyệt theo quy định đối với công trình xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, *dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.*

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng hiện trạng *đối với công trình hết thời hạn sử dụng nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp để* báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, chấp thuận việc kéo dài thời hạn sử dụng công trình đối với công trình đã hết tuổi thọ theo thiết kế quy định;

b) Không thực hiện quan trắc công trình theo quy định;

c) Sử dụng tiêu chuẩn kỹ thuật đã hết hiệu lực để thực hiện bảo trì;

d) Không tổ chức đánh giá định kỳ về an toàn chịu lực, an toàn vận hành công trình hoặc không gửi kết quả đánh giá đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

đ) Không thực hiện việc kiểm tra, sửa chữa, áp dụng biện pháp khẩn cấp hoặc báo cáo theo quy định khi phát hiện công trình, hạng mục công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng;

e) Không thực hiện một trong các nội dung sau: gia cố, cải tạo, sửa chữa hư hỏng (nếu có) trước khi xem xét, quyết định việc tiếp tục sử dụng công trình *đối với công trình hết thời hạn sử dụng nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp hoặc* không báo cáo kết quả kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng công trình, kết quả sửa chữa công trình (nếu có) với cơ quan có thẩm quyền đối với công trình hết thời hạn sử dụng;

g) *Không phá dỡ công trình để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình mới hoặc xây dựng công trình tạm; không phá dỡ công trình xây dựng theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi hết thời hạn sử dụng của công trình theo quy định.*

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) *Buộc xác định thời hạn bảo hành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này đối với hạng mục công trình, công trình xây dựng còn thời hạn bảo hành theo quy định;*

b) Buộc thực hiện giám sát, nghiệm thu việc khắc phục, sửa chữa của nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu cung ứng thiết bị công trình xây dựng với hành vi quy định tại *điểm b khoản 1 Điều này* đối với công trình đang thi công;

c) *Buộc thực hiện việc kiểm tra, nghiệm thu việc bảo hành của nhà thầu thi công xây dựng công trình, nhà thầu cung ứng thiết bị công trình xây dựng*

với hành vi quy định tại điểm c khoản 1 Điều này đối với công trình đang thi công;

d) Buộc lập và bàn giao hồ sơ bảo trì công trình đối với phần công trình được đưa vào sử dụng trong trường hợp đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng từng phần đối với hành vi quy định tại điểm d khoản 1 Điều này;

đ) Buộc xác nhận đã hoàn thành trách nhiệm bảo hành của nhà thầu với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

e) Buộc lập, phê duyệt quy trình bảo trì hoặc thực hiện bảo trì công trình, hạng mục công trình xây dựng theo quy định với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

g) Buộc lập kế hoạch bảo trì xây dựng công trình hằng năm theo quy định với hành vi quy định tại điểm c khoản 2 Điều này;

h) Buộc lập hồ sơ sửa chữa công trình theo quy định với hành vi quy định tại điểm d khoản 2 Điều này;

i) Buộc chủ đầu tư phải bàn giao đầy đủ quy trình bảo trì công trình, hạng mục xây dựng công trình được duyệt với hành vi quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này;

k) Buộc chủ sở hữu, đơn vị quản lý và sử dụng công trình thực hiện lập dự toán chi phí bảo trì trong kế hoạch bảo trì được duyệt theo quy định với hành vi quy định tại điểm e khoản 2 Điều này;

l) Buộc tổ chức đánh giá an toàn chịu lực, an toàn vận hành công trình hoặc buộc gửi kết quả đánh giá đến cơ quan có thẩm quyền với hành vi quy định tại điểm d khoản 3 Điều này;

m) Buộc thực hiện việc kiểm tra, sửa chữa, áp dụng biện pháp khẩn cấp hoặc buộc báo cáo theo quy định khi phát hiện công trình, hạng mục công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng với hành vi quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này;

n) Buộc thực hiện gia cố, cải tạo, sửa chữa hư hỏng (nếu có) trước khi xem xét, quyết định việc tiếp tục sử dụng công trình, báo cáo kết quả kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng công trình, kết quả sửa chữa công trình (nếu có) với cơ quan có thẩm quyền với hành vi quy định tại điểm e khoản 3 Điều này;

o) Buộc chủ đầu tư phá dỡ các công trình theo quy định đối với hành vi quy định tại điểm g khoản 3 Điều này.

Điều 37. Vi phạm của nhà thầu về bảo hành, bảo trì công trình xây dựng

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không lập báo cáo hoàn thành công tác bảo hành công trình gửi chủ đầu tư.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không lập quy trình bảo trì hoặc lập quy trình bảo trì không đảm bảo đầy đủ các nội dung theo quy định.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện trách nhiệm bảo hành theo quy định.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc lập báo cáo hoàn thành công tác bảo hành công trình gửi chủ đầu tư theo quy định với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc lập quy trình bảo trì theo quy định với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Buộc thực hiện trách nhiệm bảo hành theo quy định với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 38. Vi phạm của chủ đầu tư về quản lý, lưu trữ hồ sơ

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không lưu trữ hoặc lưu trữ không đầy đủ hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng theo quy định;

b) Không lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng hoặc lưu trữ không đầy đủ danh mục hồ sơ *hoàn thành công trình* theo quy định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện việc lưu trữ hoặc bổ sung đầy đủ *tài liệu theo danh mục hồ sơ hoàn thành công trình* với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 39. Vi phạm của nhà thầu về lưu trữ hồ sơ

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:

a) Nhà thầu khảo sát, thiết kế không lưu trữ hồ sơ khảo sát, thiết kế xây dựng công trình theo quy định;

b) Nhà thầu giám sát không lưu trữ hồ sơ *công việc do mình thực hiện* theo quy định;

c) Nhà thầu thi công xây dựng không lập hoặc không lưu trữ hồ sơ *công việc do mình thực hiện theo quy định*;